

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần ACC-244 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Đức Sinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó chủ tịch
Ông Phan Duy Lĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Nguyễn Đức Sinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Công Nguyên	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

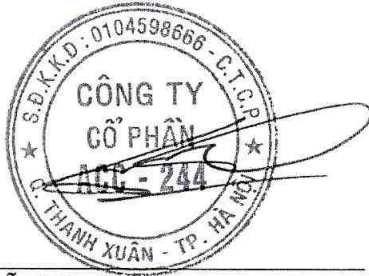
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244**



**Nguyễn Đức Sinh**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017*

Số: 76 -17/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần ACC-244**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần ACC-244 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17/02/2017, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ACC-244 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 10 phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận với giá trị 9.272.848.239 đồng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 410/NQ-HĐQT244 ngày 31/10/2016, việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.



**Phạm Hùng Sơn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

**Ngô Bá Duy**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>454.585.200.670</b>	<b>404.322.715.253</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>83.696.944.710</b>	<b>115.044.109.286</b>
1 Tiền	111	V.1.	83.696.944.710	115.044.109.286
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>198.418.387.497</b>	<b>188.671.373.378</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	132.401.190.231	123.963.669.828
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.	66.017.197.266	64.707.703.550
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4.</b>	<b>169.870.388.155</b>	<b>100.483.392.589</b>
1 Hàng tồn kho	141		169.870.388.155	100.483.392.589
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.599.480.308</b>	<b>123.840.000</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.	160.524.000	123.840.000
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.438.956.308	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.566.913.634</b>	<b>3.571.055.556</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.441.906.631</b>	<b>3.458.947.545</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	2.441.906.631	3.458.947.545
- Nguyên giá	222		13.079.176.301	13.079.176.301
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.637.269.670)	(9.620.228.756)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>125.007.003</b>	<b>112.108.011</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5.	125.007.003	112.108.011
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>457.152.114.304</b>	<b>407.893.770.809</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

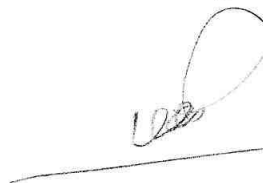
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>416.545.127.669</b>	<b>369.490.458.876</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>416.545.127.669</b>	<b>369.490.458.876</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8.	338.764.081.704	298.060.015.517
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9.	441.402.666	897.517.957
4 Phải trả người lao động	314		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10.	75.475.401.879	69.531.504.881
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.7	-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.864.241.420	1.001.420.521
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.606.986.635</b>	<b>38.403.311.933</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11.</b>	<b>40.606.986.635</b>	<b>38.403.311.933</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.408.620.000	29.408.620.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.408.620.000	29.408.620.000
1.2 Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		6.742.181.981	3.948.725.835
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	1.301.219.906
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.456.184.654	3.744.746.192
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.780.791.296	2.607.105.976
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		675.393.358	1.137.640.216
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>457.152.114.304</b>	<b>407.893.770.809</b>

Người lập



Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Sinh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	506.310.123.262	406.119.515.637
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	5.824.044.326	473.606.360
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		500.486.078.936	405.645.909.277
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	478.390.112.109	384.670.818.718
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		22.095.966.827	20.975.090.559
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	254.816.561	105.456.115
7 Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	9.891.017.345	10.333.406.750
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		12.459.766.043	10.747.139.924
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	137.296	216.050.000
12 Chi phí khác	32	VI.6.	18.928.574	13.103.041
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(18.791.278)	202.946.959
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.440.974.765	10.950.086.883
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	2.492.733.168	2.413.266.551
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.948.241.597	8.536.820.332
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	2.537	2.322

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Người lập



Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Sinh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		582.607.802.866	672.530.051.229
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(598.316.481.768)	(528.713.678.509)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.663.309.011)	(4.236.412.405)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(72.979.415)	(341.544.447)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.542.325.563)	(2.498.515.081)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.154.643.818	24.681.197.526
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.358.039.064)	(60.202.318.472)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(27.190.688.137)</b>	<b>101.218.779.841</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(987.431.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	216.050.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		254.816.561	105.456.115
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>254.816.561</b>	<b>(665.924.976)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.230.081.436	6.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.230.081.436)	(9.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.411.293.000)	(4.411.293.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.411.293.000)</b>	<b>(7.411.293.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(31.347.164.576)</b>	<b>93.141.561.865</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>115.044.109.286</b>	<b>21.902.547.421</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>83.696.944.710</b>	<b>115.044.109.286</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244


Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Bích Hạnh



Nguyễn Thị Vinh



Nguyễn Đức Sinh

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần ACC - 244 (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp xây dựng 244 trực thuộc Cục hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty cổ phần ACC-244 trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình hàng không ACC (nay là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC) theo Quyết định Cổ phần hóa số 3643/QDD-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104598666 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần thứ nhất ngày 04 tháng 03 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là: **29.408.620.000 VND** (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác đá; Khai thác cát, sỏi; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước; Xử lý nước thải; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Trụ sở chính đặt tại: Số 164 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng hoặc trên 12 tháng, cụ thể:

- Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trên 12 tháng.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

**Tài sản tài chính:** tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có khoản phải thu quá hạn thanh toán cần phải trích lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

**5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước về thuê dịch vụ, khoản chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng một lần được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai, được phân bổ trong vòng ba năm.

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán các đối tượng khác. Nợ phải trả là khoản phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản đi vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố định có liên quan.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

01/2021  
CÔNG  
TÍNH NHỊ  
EM TOÁN  
VIỆ  
HỮU GI

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

Trong năm, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 410/NQ-HĐQT244 ngày 31/10/2016, theo đó tỷ lệ trả cổ tức là 18% vốn điều lệ, trích quỹ đầu tư phát triển là 15%, quỹ khen thưởng phúc lợi là 25%.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bao gồm doanh thu từ hoạt động xây dựng, cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng; doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu từ hoạt động xây lắp của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

**12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính khác.

**14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 10%.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành của Nhà nước.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>113.170.017</b>	<b>217.252.154</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>83.583.774.693</b>	<b>114.826.857.132</b>
Tiền VND	83.583.774.693	114.826.857.132
Ngân hàng TMCP Quân đội	83.583.774.693	114.826.857.132
<b>Cộng</b>	<b>83.696.944.710</b>	<b>115.044.109.286</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Điện cơ hóa chất 15	16.996.304.000	-	-	-
Trại giam số 5-Tổng Cục VIII-Bộ Công an	15.775.814.000	-	12.435.972.714	-
Ban quản lý Dự án các khu gia đình Quân chủng	14.012.209.237	-	16.029.575.148	-
Công ty TNHH BOT và BT Quốc lộ 20	12.796.642.281	-	-	-
Cục Hải quan tỉnh Lào Cai	2.856.141.470	-	19.532.234.450	-
Các đối tượng khác	69.964.079.243	-	75.965.887.516	-
<b>Cộng</b>	<b>132.401.190.231</b>	<b>-</b>	<b>123.963.669.828</b>	<b>-</b>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	65.792.539.722	-	64.580.073.004	-
Cao Huy Hoàng	10.139.963.388	-	9.336.738.462	-
Phan Duy Chuyên	1.860.901.405	-	47.488.838	-
Hà Thanh Tú	10.336.032.133	-	597.704.810	-
Hà Thị Thanh Huyền	-	-	15.799.891.710	-
Mai Trọng Khoát	2.539.756.885	-	10.973.544.317	-
Nguyễn Mạnh Hà	1.302.755.793	-	4.192.331.943	-
Nguyễn Tiến Trung	27.646.424.682	-	16.745.375.775	-
Nguyễn Toàn Việt	3.394.558.854	-	5.000.000.000	-
Nguyễn Văn Công	355.655.728	-	171.697.653	-
Phạm Thành Đông	309.666.173	-	-	-
Phan Duy Chung	253.615.495	-	253.615.495	-
Đoàn Văn Thương	7.653.209.186	-	-	-
Trần Đình Hải	-	-	1.461.684.001	-
Thuế TNCN	2.797.987	-	11.910.546	-
Bảo hiểm y tế	80.262.000	-	61.920.000	-
Phải thu khác	54.232.852	-	53.800.000	-
Ký quỹ, ký cược	87.364.705	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>66.017.197.266</b>	<b>-</b>	<b>64.707.703.550</b>	<b>-</b>

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	9.500.000	-	9.500.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	169.860.888.155	-	100.473.892.589	-
Trường trung cấp luật Tây Bắc, tỉnh Sơn La năm 2016	25.384.703.399	-	-	-
Dự án Cơ sở Học viện tư pháp tại Tp. Hồ Chí Minh năm 2015 - Xây lắp và thiết bị công trình chính, các hạng mục phụ trợ	20.636.490.026	-	140.469.623	-
Khu huấn luyện đào tạo, phục hồi chức năng, nghỉ dưỡng phi công Viện Y học hàng không năm 2014	12.266.538.676	-	5.287.803.381	-
Các công trình khác	111.573.156.054	-	95.045.619.585	-
<b>Cộng</b>	<b>169.870.388.155</b>	<b>-</b>	<b>100.483.392.589</b>	<b>-</b>

Mẫu số B 09 - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

## 5. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) <i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí trả trước về tiền bảo hiểm	160.524.000	123.840.000
b) <i>Dài hạn</i>		
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	125.007.003	112.108.011
Cộng	285.531.003	235.948.011

## 6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	Cộng
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2016	3.598.932.512	6.890.585.036	1.581.600.571	77.149.091	930.909.091	13.079.176.301	
Số dư ngày 31/12/2016	3.598.932.512	6.890.585.036	1.581.600.571	77.149.091	930.909.091	13.079.176.301	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2016	2.619.624.266	5.840.426.405	1.005.453.236	77.149.091	77.575.758	9.620.228.756	
Khấu hao trong kỳ	221.346.972	254.357.502	231.033.408	-	310.303.032	1.017.040.914	
Số dư ngày 31/12/2016	2.840.971.238	6.094.783.907	1.236.486.644	77.149.091	387.878.790	10.637.269.670	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2016	979.308.246	1.050.158.631	576.147.335	-	853.333.333	3.458.947.545	
Tại ngày 31/12/2016	757.961.274	795.801.129	345.113.927	-	543.030.301	2.441.906.631	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.933.328.756 VND

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

## 7. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	2.230.081.436	2.230.081.436	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.230.081.436</b>	<b>2.230.081.436</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***8. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không không quân	143.144.899.224	110.294.991.271
Học viện Tư pháp	53.695.072.000	59.000.000.000
Trường Trung cấp luật Tây bắc, tỉnh Sơn La	47.604.178.522	-
Bộ tham mưu Quân chủng Phòng không không quân	-	26.779.540.230
Công ty TNHH MTV Điện cơ hóa chất 15	-	21.332.000.000
Sư đoàn 365	16.459.717.000	9.146.920.000
Sư đoàn 370	15.410.414.000	10.513.920.000
Tổng cục II - Bộ Quốc phòng	14.139.359.636	2.794.403.925
Sư đoàn 10 - Quân đoàn 3	8.970.404.000	1.311.565.983
Bộ tư lệnh Vùng 4 Hải quân	4.843.871.000	9.300.785.000
Các đối tượng khác	34.496.166.322	47.585.889.108
<b>Cộng</b>	<b>338.764.081.704</b>	<b>298.060.015.517</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2016
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	407.576.905	2.469.135.109	2.876.712.014	-
Thuế TNDN (*)	478.030.506	2.502.899.736	2.542.325.563	438.604.679
Thuế TNCN	11.910.546	102.213.937	111.326.496	2.797.987
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>897.517.957</b>	<b>5.077.248.782</b>	<b>5.533.364.073</b>	<b>441.402.666</b>

(\*) Theo biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 25/08/2016 xác định lại kết quả kinh doanh năm 2015 thì số thuế TNDN phải nộp cho năm 2015 tăng thêm 10.166.568 đồng.

**10. Phải trả khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>75.475.401.879</b>	<b>69.531.504.881</b>
Nguyễn Anh Tuấn	2.499.053.384	2.503.416.566
Nguyễn Mạnh Hà	25.894.548.853	19.462.838.106
Cao Huy Hoàng	10.244.116.929	5.944.720.815
Phạm Văn Dực	8.944.939.569	9.681.070.928
Trần Đình Hải	7.541.130.144	8.123.258.923
Nguyễn Toàn Việt	2.077.977.641	6.188.020.708
Phan Duy Chuyên	1.242.587.683	2.096.118.484
Nguyễn Tiến Trung	2.525.333.094	603.764.046
Nguyễn Công Nguyên	661.766.562	1.164.703.408
Mai Trọng Khoát	1.657.417.128	108.588.919
Các đối tượng khác	2.063.984.390	3.805.796.536
Kinh phí công đoàn	181.198.508	70.508.167

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.941.347.994	9.778.699.275
Tổng công ty XDCT hàng không ACC (*)	7.686.590.641	7.582.766.610
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông cá nhân;	1.710.000.000	1.425.000.000
Chi phí thuê đất	535.792.000	765.417.312
Phải trả khác	8.965.353	5.515.353
<b>Cộng</b>	<b>75.475.401.879</b>	<b>69.531.504.881</b>

(\*) Khoản phải trả Tổng công ty XDCT hàng không ACC bao gồm tiền cổ tức với giá trị 3.583.551.600 đồng và các khoản phải trả khác với giá trị 4.103.039.041 đồng.

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

**11. Vốn chủ sở hữu****11.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	29.408.620.000	1.301.219.906	2.607.105.976	33.316.945.882
Lãi trong năm trước	-	-	8.536.820.332	8.536.820.332
Chia cổ tức	-	-	(4.411.293.000)	(4.411.293.000)
Trích lập các quỹ	-	-	(2.987.887.116)	(2.987.887.116)
Số dư tại ngày 31/12/2015	29.408.620.000	1.301.219.906	3.744.746.192	34.454.586.098
Lãi trong năm nay	-	-	9.948.241.597	9.948.241.597
Tăng khác (*)	-	-	36.045.104	36.045.104
Chia cổ tức	-	-	(5.293.551.600)	(5.293.551.600)
Trích lập các quỹ	-	-	(3.979.296.639)	(3.979.296.639)
Giảm khác	-	(1.301.219.906)	-	(1.301.219.906)
Số dư tại ngày 31/12/2016	29.408.620.000	-	4.456.184.654	33.864.804.654

(\*) Tăng khác là khoản điều chỉnh do xác định lại kết quả kinh doanh năm 2015 theo biên bản kiểm toán nhà nước ngày 25/08/2016, theo đó Doanh thu năm 2015 tăng thêm 1.065.454.545 đồng, giá vốn tăng thêm 1.019.242.873 đồng, đồng thời thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm tương ứng 10.166.568 đồng và lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 tăng thêm 36.045.104 đồng

**11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	19.908.620.000	19.908.620.000
Vốn góp của đối tượng khác	9.500.000.000	9.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.408.620.000</b>	<b>29.408.620.000</b>

**11.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	29.408.620.000	29.408.620.000
Vốn góp tăng trong năm		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.408.620.000	29.408.620.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)</b>	<b>5.293.551.600</b>	<b>4.411.293.000</b>

(\*) Trong năm, Công ty tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 410/NQ-HĐQT244 ngày 31/10/2016, việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ được đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

**11.4 Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.940.862	2.940.862
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.940.862	2.940.862
- Cổ phiếu phổ thông	2.940.862	2.940.862
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.940.862	2.940.862
- Cổ phiếu phổ thông	2.940.862	2.940.862
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng	-	-

**11.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2016	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	3.948.725.835	2.793.456.146	-	6.742.181.981
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.301.219.906	-	1.301.219.906	-
<b>Cộng</b>	<b>5.249.945.741</b>	<b>2.793.456.146</b>	<b>1.301.219.906</b>	<b>6.742.181.981</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>a, Doanh thu</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	504.500.486.901	404.390.515.637
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng	1.809.636.361	1.729.000.000
<b>Cộng</b>	<b>506.310.123.262</b>	<b>406.119.515.637</b>

b, Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giảm giá hàng bán (giảm giá trị quyết toán công trình)	5.824.044.326	473.606.360
<b>Cộng</b>	<b>5.824.044.326</b>	<b>473.606.360</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	478.390.112.109	384.670.818.718
<b>Cộng</b>	<b>478.390.112.109</b>	<b>384.670.818.718</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	254.816.561	105.456.115
<b>Cộng</b>	<b>254.816.561</b>	<b>105.456.115</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh lý tài sản	-	216.050.000
Các khoản khác	137.296	-
<b>Cộng</b>	<b>137.296</b>	<b>216.050.000</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền nộp phạt và truy thu thuế	2.373.574	1.633.041
Chi phí khác	16.555.000	11.470.000
<b>Cộng</b>	<b>18.928.574</b>	<b>13.103.041</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>9.891.017.345</i>	<i>10.333.406.750</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.694.270.609	4.585.140.435
Chi phí vật liệu quản lý	190.220.247	217.602.058
Chi phí đồ dùng văn phòng	159.917.985	194.079.444
Chi phí khấu hao TSCĐ	527.418.742	604.077.468
Thuế, phí và lệ phí	558.792.000	805.417.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	391.964.817	440.802.314
Chi phí bằng tiền khác	3.368.432.945	3.486.287.719
<b>Cộng</b>	<b>9.891.017.345</b>	<b>10.333.406.750</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	381.902.552.235	257.158.497.531
Chi phí nhân công	124.650.916.929	107.868.538.181
Chi phí máy thi công	24.933.740.294	31.785.733.229
Chi phí sản xuất chung	24.007.401.937	12.234.092.341
<b>Cộng</b>	<b>555.494.611.395</b>	<b>409.046.861.282</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó	500.741.032.793	405.967.415.392
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>500.741.032.793</i>	<i>405.967.415.392</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	488.300.058.028	395.017.328.509
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>488.281.129.454</i>	<i>395.049.717.787</i>
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>18.928.574</i>	<i>32.389.278</i>
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó:	12.459.903.339	10.917.697.605
<i>Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp do điều chỉnh doanh thu năm 2013</i>	<i>15.050.000</i>	<i>-</i>
<i>Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành</i>	<i>12.444.853.339</i>	<i>10.917.697.605</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.492.733.168	2.401.893.473
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	11.373.078
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.492.733.168	2.413.266.551

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.948.241.597	8.536.820.332
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.948.241.597	8.536.820.332
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.487.060.399	1.707.364.066
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.940.862	2.940.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.537	2.322



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***11. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.07, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Công nợ tài chính**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	83.696.944.710	115.044.109.286
Nợ thuần	(83.696.944.710)	(115.044.109.286)
Vốn chủ sở hữu	40.606.986.635	38.403.311.933
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(2,06)	(3,00)

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.696.944.710	115.044.109.286
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.418.387.497	188.671.373.378
<b>Cộng</b>	<b>282.115.332.207</b>	<b>303.715.482.664</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	75.475.401.879	69.531.504.881
<b>Cộng</b>	<b>75.475.401.879</b>	<b>69.531.504.881</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	75.475.401.879	-	75.475.401.879

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	69.531.504.881	-	69.531.504.881

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.696.944.710	-	83.696.944.710
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.418.387.497	-	198.418.387.497

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.044.109.286	-	115.044.109.286
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.671.373.378	-	188.671.373.378

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.230.081.436	6.000.000.000
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:</b>		
- Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	2.230.081.436	9.000.000.000

**VIII Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan

Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC

Mối quan hệ

Công ty mẹ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	1.120.395.000	1.387.784.333
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	1.969.804.763	-
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	7.686.590.641	7.582.766.610

**Thu nhập của Ban Tổng giám đốc**

Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	1.121.726.419	1.239.507.134
<b>Cộng</b>	<b>1.121.726.419</b>	<b>1.239.507.134</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty CP ACC-244 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Người lập



Phạm Thị Bích Hạnh



Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Vinh



CÔNG CHỨNG VIÊN

Bùi Văn Kiên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Sinh